

Số: 16/2021/QĐST-DS

Triệu Sơn, ngày 21 tháng 7 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm c tiểu mục 1.3 mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 10/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: + Ông Lã Văn L, sinh năm 1983

+ Bà Ngô Thị H, sinh năm 1986

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Ngô Thị H: Ông Lã Văn L
Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L*: Ông Lê Ngọc T- Luật gia, cộng tác viên công tác tại Trung tâm tư vấn pháp luật - Hội Luật gia liên cơ quan Thanh Hóa.

Địa chỉ: Số X đường N, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: + Ông Nguyễn Đình V, sinh năm 1965

+ Bà Trần Thị T – Sinh năm 1966

Trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Hợp đồng dân sự*: Các đương sự thống nhất trình bày: Ngày 22/4/2020 âm lịch (tức ngày 14/5/2020 Dương lịch-DL) vợ chồng ông Nguyễn Đình V, bà Trần Thị T và vợ chồng ông Lã Văn L, bà Ngô Thị H lập giấy viết tay thỏa thuận, vợ chồng ông V bán ngôi nhà 3 tầng trên diện tích đất 77m² tại thửa 1495 tờ Bản đồ số

10 Bản đồ địa chính xã Đ năm 2010 địa chỉ thôn L, xã Đ, huyện T tỉnh Thanh Hóa cho vợ chồng ông L với giá: 1.360.000.000đ (*Một tỉ ba trăm sáu mươi triệu đồng*). Vợ chồng ông L đã trả cho vợ chồng ông V 1.000.000.000đ (*Một tỉ đồng*).

Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Vợ chồng ông V và vợ chồng ông L không tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà theo Giấy bán nhà và đất ngày 22/4/2020 âm lịch (tức ngày 14/5/2020 DL). Vợ chồng ông V tiếp tục sử dụng nhà và đất tại thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và phải trả lại cho vợ chồng ông L số tiền đã nhận là 1.000.000.000đ và tiền lãi 32.000.000đ, tổng cộng là 1.032.000.000đ (*Một tỉ không trăm ba mươi hai triệu đồng*). Vợ chồng ông V đã trả cho ông L số tiền: 344.000.000đ (*Ba trăm bốn mươi tư triệu đồng*), số tiền còn 688.000.000đ (*Sáu trăm tám mươi tám triệu đồng*) thỏa thuận trả như sau:

+ Ngày 14/01/2022, ông V và bà T phải trả cho ông L và bà H số tiền: 344.000.000đ (*Ba trăm bốn mươi tư triệu đồng*).

+ Ngày 30/6/2022, ông V và bà T phải trả cho ông L và bà H số tiền: 344.000.000đ (*Ba trăm bốn mươi tư triệu đồng*).

Kể từ ngày ông L và bà H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, vợ chồng ông V và bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Các đương sự phải nộp 50% mức án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông L và bà H phải nộp 7.880.000đ án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.960.000đ theo biên lai số AA/2018/0004341 ngày 22/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Ông L và bà H đã nộp đủ án phí và được hoàn trả lại: 14.080.000đ (*Mười bốn triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*).

Ông V và bà T phải nộp: 7.880.000đ (*Bảy triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Triệu Sơn;
- CC Thi hành án;
- TA tỉnh;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu

